

Số: 40/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định trình tự, thủ tục lựa chọn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và nước ngoài; trình tự, thủ tục xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn của thành phố Hà Nội
(Thực hiện khoản 5, khoản 6 Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Xét Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và nước ngoài; trình tự, thủ tục xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 91/BC-BĐT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo số 358/BC-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giải trình, bổ sung một số nội dung dự thảo Nghị quyết; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định trình tự, thủ tục lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và nước ngoài; trình tự, thủ tục xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn của thành phố Hà Nội (thực hiện khoản 5, khoản 6 Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chi tiết một số điều để thực hiện khoản 5, khoản 6 Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 gồm: Quy định chi tiết về trình tự, thủ tục quyết định lựa chọn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và nước ngoài; trình tự, thủ tục xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn của thành phố Hà Nội.

2. Việc lựa chọn áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn cho các tuyến đường sắt đô thị của Thành phố thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 31 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 và cơ chế chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 188/2025/QH15 của Quốc hội về Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành dự án đầu tư công, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP), dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công của thành phố Hà Nội quy định tại Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội* là quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành theo thẩm quyền. Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội là quy định các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác nhằm phục vụ quản lý nhà nước trong phạm vi thành phố Hà Nội, trên cơ sở phù hợp với điều kiện đặc thù về kinh tế - xã hội, khí hậu, địa chất, kiến trúc, môi trường đô thị và yêu cầu phát triển bền vững của Thủ đô.

2. *Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội* là tổ chức do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, có nhiệm vụ xây dựng, biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật của thành phố Hà Nội.

3. *Hội đồng thẩm tra hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội* là tổ chức do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập (hoặc giao cơ quan có thẩm quyền thành lập), có nhiệm vụ thẩm tra, đánh giá tính đầy đủ, hợp lệ và tính khả thi của hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật của thành phố Hà Nội trước khi trình bộ quản lý chuyên ngành hoặc cơ quan ngang bộ lấy ý kiến, bảo đảm phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tiễn của thành phố Hà Nội.

4. *Sở quản lý chuyên ngành* là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số lĩnh vực chuyên ngành cụ thể trên địa bàn.

5. *Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư* là cơ quan, tổ chức có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án và được người quyết định đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định.

6. *Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn nước ngoài* là Hội đồng tư vấn chuyên môn được thành lập để xem xét, đánh giá theo chế độ tập thể về mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả kỹ thuật - kinh tế của tiêu chuẩn nước ngoài được đề xuất áp dụng đối với các dự án nhóm A có công trình xây dựng cấp I hoặc cấp đặc biệt.

Chương II

TRÌNH TỰ LỰA CHỌN, ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ, TIÊU CHUẨN KHU VỰC, TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI (GỌI CHUNG LÀ TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI)

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài

1. Không trái với quy định pháp luật, không làm tổn hại tới an ninh, quốc phòng, lợi ích kinh tế - xã hội và các lợi ích khác của quốc gia.
2. Bảo đảm phù hợp với quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc trong các thỏa thuận hợp tác song phương, đa phương giữa tổ chức của Việt Nam với tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật.
3. Là tiêu chuẩn hiện hành, ưu tiên sử dụng các tiêu chuẩn nước ngoài đã được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực liên quan từ các quốc gia hoặc khối có trình độ phát triển cao, bảo đảm tính khoa học và hiệu quả kinh tế.
4. Bảo đảm mức độ tương thích giữa tiêu chuẩn nước ngoài được lựa chọn với điều kiện kỹ thuật hiện hành và năng lực áp dụng trong nước.

Điều 5. Điều kiện áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài

1. Phải có tính khả thi về mặt chuyển giao công nghệ, đặc biệt đối với dự án có áp dụng công nghệ mới; đáp ứng điều kiện thuận lợi trong công tác xây dựng định mức, đơn giá của cơ quan quản lý nhà nước.
2. Đảm bảo an toàn sử dụng cho con người, cho chính công trình và công trình lân cận; đáp ứng các yêu cầu về an toàn sinh thái, bảo vệ môi trường; bảo đảm hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.
3. Đảm bảo tính đồng bộ và khả thi trong toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng, từ thiết kế, thi công, nghiệm thu công trình cho đến vận hành, khai thác.
4. Phải sử dụng các số liệu đầu vào liên quan đến điều kiện đặc thù của thành phố Hà Nội (địa chất, thủy văn, khí hậu, phân vùng động đất...) được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên và các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng.

Điều 6. Trình hồ sơ đề xuất lựa chọn, áp dụng

1. Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật phân tích yêu cầu kỹ thuật của dự án và đề xuất lựa chọn tiêu chuẩn nước ngoài phù hợp để áp dụng; trình hồ sơ đến cơ quan chủ trì tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất được quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư (theo chuyên ngành tiêu chuẩn đề xuất áp dụng) là cơ quan chủ trì tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất. Đơn vị trình nộp hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn đến cơ quan chủ trì đánh giá đề tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ đề xuất áp dụng.

3. Hồ sơ đề xuất áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài bao gồm:

a) Văn bản đề nghị áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, trong đó nêu rõ: Tên dự án, quy mô, địa điểm xây dựng; phạm vi, nội dung tiêu chuẩn nước ngoài dự kiến áp dụng (kèm dẫn chiếu điều, khoản hoặc phạm vi áp dụng trong tiêu chuẩn, nếu có);

b) Báo cáo thuyết minh về tính cần thiết, tính phù hợp của việc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài đối với dự án, bao gồm: Mô tả đặc điểm, điều kiện kinh tế - kỹ thuật của công trình và giải pháp đề xuất; đánh giá sơ bộ về khả năng chuyển giao công nghệ (nếu áp dụng công nghệ mới), tính khả thi và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật;

c) Bản sao tiêu chuẩn nước ngoài (toàn bộ hoặc các phần liên quan trực tiếp đến dự án). Trường hợp tiêu chuẩn nước ngoài chưa được công bố công khai hoặc bằng ngôn ngữ không phổ biến, hồ sơ phải kèm bản dịch tiếng Việt toàn văn đã được chứng thực theo quy định; kèm bản gốc hoặc bản sao chứng thực của tiêu chuẩn để đối chiếu; đính kèm bảng trích yếu song ngữ các điều khoản dự kiến áp dụng;

d) Bản đối chiếu, so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn địa phương hiện hành (nếu có), trong đó nêu rõ: Nội dung trùng lặp hoặc tương tự; nội dung khác biệt, mức độ và giải pháp xử lý khác biệt;

đ) Tài liệu chứng minh tính hợp pháp và tình trạng hiệu lực của tiêu chuẩn nước ngoài (số hiệu, năm phiên bản; cơ quan ban hành; tình trạng hiệu lực). Trường hợp tiêu chuẩn bị thay thế hoặc có bản sửa đổi, phải nêu lý do áp dụng và biện pháp kiểm soát rủi ro tương ứng;

e) Tài liệu chứng minh quyền sử dụng, bản quyền đối với tiêu chuẩn nước ngoài (đối với tiêu chuẩn không phổ biến công khai hoặc yêu cầu cấp phép), phạm vi và thời hạn sử dụng, điều kiện;

g) Các hồ sơ, tài liệu khác liên quan.

Điều 7. Tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ đề xuất

1. Cơ quan chủ trì theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn nước ngoài; tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn nước ngoài.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan chủ trì có trách nhiệm:

a) Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ đến đơn vị trình (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình xem xét, đánh giá), yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân tư vấn đánh giá sự phù hợp của việc áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài cho công trình (nếu cần thiết). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các Sở, ngành, đơn vị có liên quan; cơ quan chủ trì yêu cầu đơn vị trình bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến.

b) Trả lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề xuất không đúng với thẩm quyền.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến của Cơ quan chủ trì, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời.

4. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp ý kiến các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, tổ chức xem xét, đánh giá và ban hành văn bản đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Kết quả phải có đánh giá, kết luận về mức đáp ứng yêu cầu đối với từng nội dung xem xét, đánh giá. Nội dung đánh giá gồm:

a) Đánh giá sự phù hợp của tiêu chuẩn nước ngoài với mục tiêu, yêu cầu kỹ thuật và tính chất của dự án, công trình: xem xét khả năng áp dụng trong thiết kế, thi công, vận hành và bảo trì công trình;

b) Đánh giá tính hợp pháp, tính hiện hành và mức độ công nhận của tiêu chuẩn nước ngoài được đề xuất áp dụng, đối chiếu với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn địa phương hiện hành;

c) Đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ và mức độ khả thi trong áp dụng thực tiễn, bao gồm điều kiện thi công, thiết bị, nhân lực, vật liệu trong nước và điều kiện đặc thù tại Hà Nội;

d) Đánh giá mức độ tác động đến các yếu tố an toàn, bảo vệ môi trường, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và khả năng phối hợp với các tiêu chuẩn, định mức khác trong toàn bộ vòng đời dự án;

đ) Đề xuất kiến nghị cụ thể: đồng thuận, đồng thuận có điều kiện, hoặc không đồng thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài; kèm theo các khuyến nghị bổ sung (nếu có);

e) Rà soát tính pháp lý của hồ sơ: đối chiếu tính chứng thực của bản dịch, chứng cứ bản quyền, giấy phép, tình trạng hiệu lực của tiêu chuẩn; yêu cầu hợp pháp hóa, bổ sung nếu chưa đáp ứng.

5. Đối với dự án đầu tư nhóm A có công trình xây dựng cấp I hoặc cấp đặc biệt, việc tổ chức xem xét, đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn nước ngoài được xem xét, đánh giá theo chế độ tập thể thông qua Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn nước ngoài:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì có trách nhiệm đề xuất thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn nước ngoài;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề xuất của cơ quan chủ trì, người quyết định đầu tư ban hành quyết định thành lập Hội đồng đánh giá. Người quyết định đầu tư được ủy quyền cơ quan chủ trì quyết định thành lập Hội đồng đánh giá;

c) Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn nước ngoài được thành lập theo quyết định của người quyết định đầu tư, gồm: Đại diện cơ quan chủ trì (Chủ tịch Hội đồng); Đại diện các sở, ngành liên quan tùy theo tính chất dự án; chuyên gia độc lập, nhà khoa học hoặc tổ chức tư vấn có chuyên môn phù hợp được mời tham gia khi cần thiết. Chuyên gia, tổ chức được mời phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật chuyên ngành, độc lập với chủ đầu tư và đơn vị lập hồ sơ, không có xung đột lợi ích và chịu trách nhiệm về ý kiến chuyên môn. Hội đồng có trách nhiệm tổ chức họp đánh giá hồ sơ đề xuất, tổng hợp ý kiến chuyên gia và kết luận mức độ phù hợp, tính khả thi, hiệu quả kỹ thuật - kinh tế của tiêu chuẩn nước ngoài được đề xuất;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng được thành lập, cơ quan chủ trì gửi tài liệu đánh giá cho các thành viên Hội đồng;

đ) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các thành viên Hội đồng đánh giá phải có văn bản ý kiến đánh giá độc lập gửi cơ quan chủ trì;

e) Sau khi nhận đủ ý kiến, Hội đồng đánh giá tổ chức họp tổng hợp và kết luận trong vòng 07 ngày làm việc tiếp theo. Biên bản họp và kết luận được gửi cho cơ quan chủ trì tổng hợp báo cáo người quyết định đầu tư. Các nội dung đánh giá của Hội đồng tập thể phải được ghi rõ trong Biên bản gồm: Tổng quan về hồ sơ đề xuất và tiêu chuẩn nước ngoài; Ý kiến đánh giá của từng thành viên; Kết luận về tính phù hợp, khả thi, hiệu quả kỹ thuật - kinh tế; Kiến nghị chấp thuận hoặc không chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài;

g) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của hội đồng và các cơ quan có liên quan, tổ chức xem xét, đánh giá và ban hành văn bản đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ họp lệ. Nội dung đánh giá theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Căn cứ kết quả đánh giá của cơ quan chủ trì hoặc Hội đồng đánh giá (đối với dự án có quy mô nhóm A có công trình cấp I hoặc cấp đặc biệt), Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn nước ngoài; báo cáo người quyết định đầu tư chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

Điều 8. Chấp thuận lựa chọn, áp dụng

1. Người quyết định đầu tư chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài theo thẩm quyền. Thời gian chấp thuận quyết định tối đa 07 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đề xuất của đơn vị đề xuất và kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn của cơ quan chuyên môn.

2. Người quyết định đầu tư được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô cho người đứng đầu Tổ chức được giao làm Chủ đầu tư hoặc được

giao lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật quyết định về việc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài; Người được ủy quyền báo cáo Người quyết định đầu tư về nội dung quyết định áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài.

Chương III

TRÌNH TỰ SỬ DỤNG QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN NƯỚC NGOÀI ĐỂ XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Điều 9. Nguyên tắc xây dựng

1. Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội phải được xây dựng dựa trên điều kiện kinh tế - xã hội, tự nhiên và yêu cầu phát triển của Thủ đô Hà Nội, đảm bảo tính phù hợp với đặc thù đô thị, kiến trúc, khí hậu và môi trường của Thủ đô.

2. Xây dựng dựa trên cơ sở khoa học, điều tra thực tiễn và có tính khả thi cao, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, an toàn và phát triển bền vững.

3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn nước ngoài được chọn để xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội phải là các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, ưu tiên sử dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn nước ngoài đã được công nhận và áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực liên quan từ các quốc gia hoặc khối có trình độ phát triển cao, đảm bảo tính khoa học và hiệu quả kinh tế.

Điều 10. Trình tự xây dựng

1. Thành lập Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội:

a) Khi có dự án đầu tư xây dựng cần xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội, Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố lập đề cương nhiệm vụ áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn nước ngoài để xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội, gửi cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành tổ chức thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đề cương nhiệm vụ;

b) Sở quản lý chuyên ngành báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội (trong 05 ngày làm việc);

c) Thành phần Ban soạn thảo bao gồm: Đại diện cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (cơ quan chủ trì); đại diện các Sở, ban, ngành liên quan trực tiếp đến nội dung Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội; các tổ chức có liên quan và các chuyên gia (khi cần thiết).

2. Biên soạn dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội, Ban soạn thảo thực hiện sử dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn nước ngoài để xây dựng quy chuẩn địa phương theo trình tự:

a) Ban soạn thảo phân tích các yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực tiễn tại Hà Nội, đề xuất các quy chuẩn, tiêu chuẩn nước ngoài phù hợp; ưu tiên các quy chuẩn, tiêu chuẩn nước ngoài đã được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực liên quan. Thực hiện so sánh các quy chuẩn, tiêu chuẩn nước ngoài được lựa chọn với các quy chuẩn kỹ thuật trong nước, quy chuẩn địa phương hiện hành để cập nhật đảm bảo tính phù hợp và xác định các điều chỉnh cần thiết theo điều kiện thực tế của Hà Nội. Biên soạn dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội;

b) Tổng hợp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; đánh giá thực trạng và đánh giá tác động theo quy định của pháp luật; phân tích rủi ro của đối tượng quản lý để đề xuất mức giới hạn đặc tính kỹ thuật và phương thức quản lý phù hợp. Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định phải khảo nghiệm, thử nghiệm, thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia, cơ quan, tổ chức là những đối tượng chịu tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật (có thể lấy ý kiến theo hình thức tổ chức hội thảo);

d) Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo.

3. Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội:

a) Ban soạn thảo báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả xây dựng Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố gửi dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến theo quy định.

Đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân và cơ quan tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân dân Thành phố chuyên ngành tương ứng.

Thời gian lấy ý kiến đối với dự thảo ít nhất 60 ngày, kể từ ngày gửi dự thảo lấy ý kiến. Trong trường hợp cấp thiết liên quan tới sức khỏe, an toàn, môi trường, thời gian lấy ý kiến có thể rút ngắn nhưng không ít hơn 30 ngày theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Trên cơ sở ý kiến góp ý, Ban soạn thảo hoàn chỉnh lại dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội, lập hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội theo quy định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. Thời gian hoàn chỉnh dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội không quá 30 ngày, đối với trường hợp phức tạp không quá 40 ngày.

4. Thẩm tra, đánh giá hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội:

a) Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm tra hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội; Hội đồng thẩm tra tổ chức đánh giá hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội xem

xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội theo quy định. Thời gian thẩm tra của Hội đồng thẩm tra không quá 50 ngày;

b) Thành phần Hội đồng thẩm tra bao gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (phụ trách lĩnh vực) làm Chủ tịch Hội đồng thẩm tra; Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ (cơ quan chủ trì công tác thẩm tra); Đại diện các Sở, ban, ngành quản lý nhà nước có liên quan đến nội dung Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội; Chuyên gia hoặc đại diện đơn vị tư vấn độc lập (trong trường hợp cần thiết) tham gia đánh giá chuyên sâu về kỹ thuật.

5. Xem xét, cho ý kiến về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội

Hội đồng thẩm tra gửi hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội đến Bộ quản lý chuyên ngành xem xét tính hợp lệ của hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội theo các nội dung quy định của pháp luật về xây dựng ban hành quy chuẩn địa phương.

6. Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội:

a) Trường hợp Bộ quản lý chuyên ngành có ý kiến đồng ý với việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội. Thời gian ban hành trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi đảm bảo các điều kiện;

b) Trường hợp Bộ quản lý chuyên ngành có ý kiến không đồng ý với việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội, ban soạn thảo tổ chức nghiên cứu, xem xét các ý kiến không nhất trí để xử lý, chỉnh lý dự thảo, lập lại hồ sơ dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội và gửi lấy ý kiến lại của bộ, cơ quan ngang bộ (trong trường hợp cần thiết) theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này;

b) Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, bảo đảm Nghị quyết được thực hiện kịp thời, hiệu quả; văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định;

c) Trường hợp có sự điều chỉnh của pháp luật hoặc điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi dẫn đến việc cần sửa đổi, bổ sung Nghị quyết, Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

d) Bảo đảm bố trí nguồn lực tài chính, nhân lực để thực hiện các quy định của Nghị quyết này; bao gồm kinh phí hoạt động của Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có), Hội đồng thẩm tra hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật thành phố Hà Nội, chi trả chi phí mời tổ chức, chuyên gia, dịch thuật tài liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nước ngoài... theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia tuyên truyền và phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2025./. *HL*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc Hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: XD, NN&MT, TC, TP, KH&CN;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Các Ban Đảng của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm TT, dữ liệu và công nghệ số TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn